

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM
VIETNAM STONE WORK – TOP FABRICATION J.S.C
-----&* &-----

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019

HÀ NỘI – 2020

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY.....	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
3.1 Ngành nghề kinh doanh.....	4
3.2. Địa bàn kinh doanh	5
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	9
4.1 Mô hình quản trị.....	9
4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.....	9
4.3. Danh sách công ty con, công ty liên kết	10
5. Định hướng phát triển	10
5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty	10
5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn	10
5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (đối với môi trường, xã hội và cộng đồng)	11
6. Các rủi ro	12
6.1 Rủi ro về tài chính	12
6.2 Rủi ro về luật pháp	14
6.3 Rủi ro đặc thù	15
6.4 Rủi ro khác	16
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018	16
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	16
1.1 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	16
1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch.....	20
2. Tổ chức và nhân sự	21
2.1 Danh sách Ban điều hành	21
2.2 Những thay đổi thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	24
2.3. Công tác nhân sự và những chính sách đối với người lao động.....	24
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	27
3.1 Tình hình thực hiện các dự án trọng điểm năm 2018	27
3.2 Các công ty con, công ty liên kết :	28
4. Tình hình tài chính	28
4.1 Tình hình tài chính	28
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	29

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	30
5.1 Cổ phần	30
5.2 Cơ cấu cổ đông.....	30
5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	31
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	32
1. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2018	32
1.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh	27
2. Phân tích tình hình tài chính.....	33
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	36
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	36
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	36
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	36
2. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc Công ty.....	38
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	39
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	40
1. Hội đồng quản trị của Công ty	40
1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị	40
1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	42
1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị	42
1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành	40
1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị	40
2. Ban kiểm soát của Công ty.....	45
2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát	40
2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát	42
2.3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty năm 2018.....	42
2.4. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị	43
2.5. Kết quả giám sát hoạt động của Ban giám đốc	43
2.6. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT, BGD.....	44
2.7. Kiến nghị của Ban kiểm soát	44
2.8. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018.....	44
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	45
3.1 Thù lao, các khoản lợi ích	45
3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.....	45
3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ	45
3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty.....	45
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	45

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

1. Thông tin khái quát

- Tên công ty : Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam
- Tên giao dịch : Viet Nam Stone Work - Top Fabrication Joint Stock Company
- Tên viết tắt : **STONE VIETNAM**
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0500555916 (Chuyển từ số ĐKKD 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/02/2007) và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 26/10/2017.
- Vốn điều lệ : **110.000.000.000 đồng**
- Địa chỉ : Khu công nghiệp CNC, Khu CNC Hoà Lạc, xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024 – 33688306
- Fax : 024 – 33688305
- Email : info@stonevietnam.com
- Website : www.stonevietnam.com
- Mã cổ phiếu : **STV**
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: **11.000.000 CP**

2. Quá trình hình thành và phát triển

✓ Ngày 13/02/2007, Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam chính thức đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu số 0303000640 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội) cấp với vốn điều lệ ban đầu là **20 tỷ đồng**.

✓ Ngày 21/06/2007, Công ty được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chính thức trở thành Công ty đại chúng.

✓ Ngày 05/04/2010, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 85/2010/GCNCP-VSD và cấp mã chứng khoán là : **STV**.

✓ Ngày 08/12/2011 Công ty đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là **STV** và ngày **15/12/2011** là ngày bắt đầu giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

✓ Từ khi thành lập đến nay Công ty đã có 06 lần tăng vốn điều lệ, quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty cụ thể như sau:

Lần 1: Tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng trong năm 2008 bằng hình thức pháp hành riêng lẻ theo Nghị quyết số 01/NQ/SVN-DHĐCĐ ngày 26/06/2008 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua việc phát hành riêng lẻ cho các đối tác chiến lược của Công ty là Công ty Đá ốp lát cao cấp VINACONEX và Công ty Cổ phần Đệ Tam.

Lần 2: Tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 40 tỷ đồng trong năm 2009 bằng hình thức phát hành riêng lẻ theo Nghị quyết số 01/2009/NQ/SVN-DHĐCĐ ngày 07/05/2009 của

Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua việc phát hành riêng lẻ cho các cổ đông chiến lược.

Lần 3: Tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ đồng lên 41,025 tỷ đồng trong năm 2012 bằng hình thức phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết số 01/2012/NQ/STV-DHĐCĐ ngày 20/04/2012 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua.

Lần 4: Tăng vốn điều lệ từ 41,025 tỷ đồng lên 45,127 tỷ đồng trong năm 2013 bằng hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các cổ đông chiến lược theo Nghị quyết số 01/2013/NQ/STV-DHĐCĐ ngày 23/03/2013 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua.

Lần 5: Tăng vốn điều lệ từ 45,127 tỷ đồng lên 65,127 tỷ đồng trong năm 2014 bằng hình thức phát hành cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết số 02/2013/NQ/STV-DHĐCĐ ngày 18/09/2013 của Đại Hội đồng cổ đông bất thường năm 2013 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua.

Lần 6: Tăng vốn điều lệ từ 65,127 tỷ đồng lên 110,00 tỷ đồng trong năm 2017 bằng hình thức phát hành cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết số 01/2017/NQ/STV-DHĐCĐ ngày 20/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông năm 2017 Công ty cổ phần chế tác đá Việt nam thông qua.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm nay của Công ty là tư vấn, thiết kế, gia công, chế tác các sản phẩm từ đá nhân tạo gốc thạch anh thương hiệu VICOSTONE Quartz Surfaces. Doanh thu bán hàng chi tiết như sau:

DVT: nghìn đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Tăng trưởng
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	
I	Doanh thu gia công, chế tác (Tr.đồng)	260.490	296.064	599.681	726.514	145,39%
1	Doanh thu đá mẫu xuất khẩu (Tr.đồng)	81.016	81.016	57.442	57.442	(29,1%)
2	Doanh thu gia công, chế tác xuất khẩu (Tr.đồng)	104.006	104.006	337.003	337.003	224,02%
3	Doanh thu gia công, chế tác trong nước (Tr.đồng)	75.468	111.042	205.236	332.069	199,05%

3.2. Thị trường của STONE VIETNAM

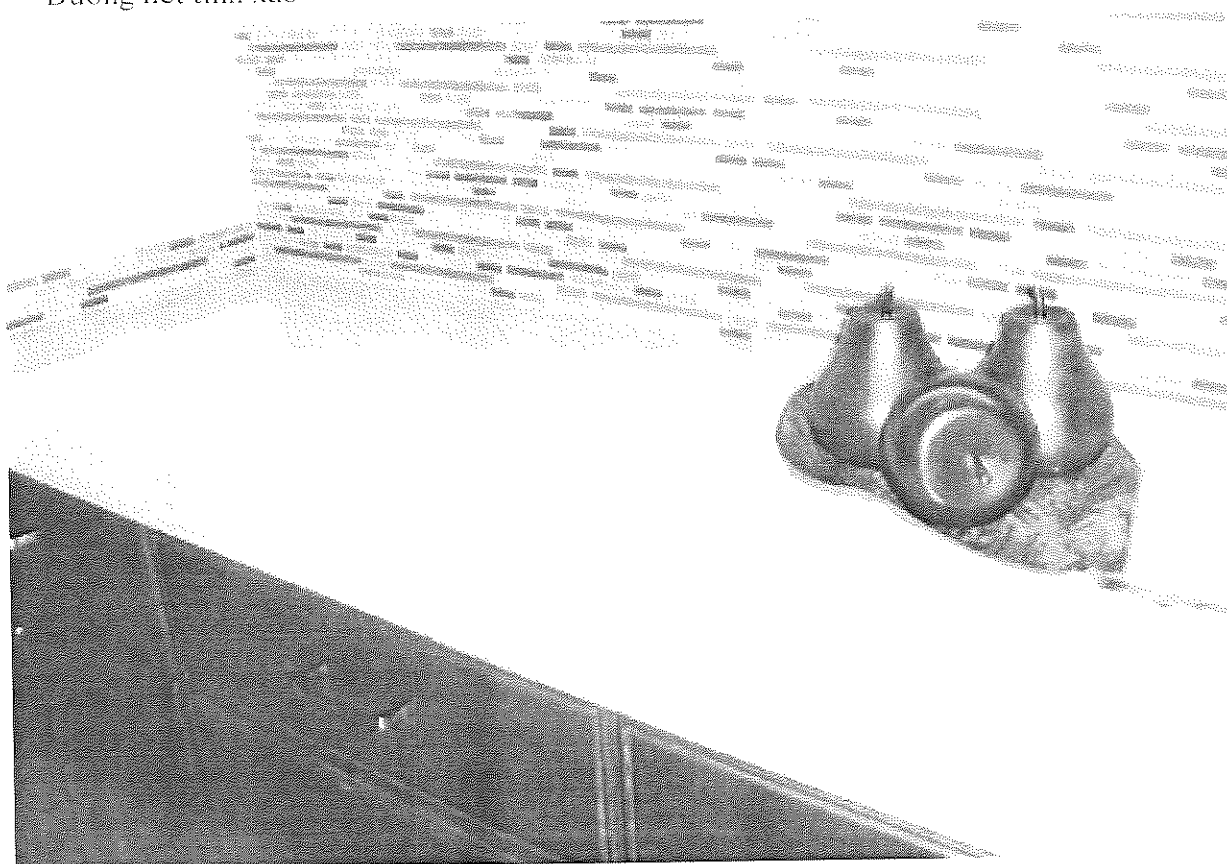
Công ty CP Chế tác đá Việt Nam (STV) không ngừng xây dựng và phát triển thương hiệu để trở thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các sản phẩm từ đá nhân tạo gốc thạch anh thương hiệu VICOSTONE Quartz Surfaces. Sản phẩm của Công ty đã có mặt trên toàn lãnh thổ Việt Nam cũng như được xuất khẩu đi một số Châu lục trên thế giới thông qua đầu mối bán hàng là Công ty cổ phần VICOSTONE. Các sản phẩm của Stone Vietnam mang tính ứng dụng cao như: Mặt bàn bếp, bàn ăn, bàn trang điểm, quầy bar, bồn rửa, ốp tường, ...

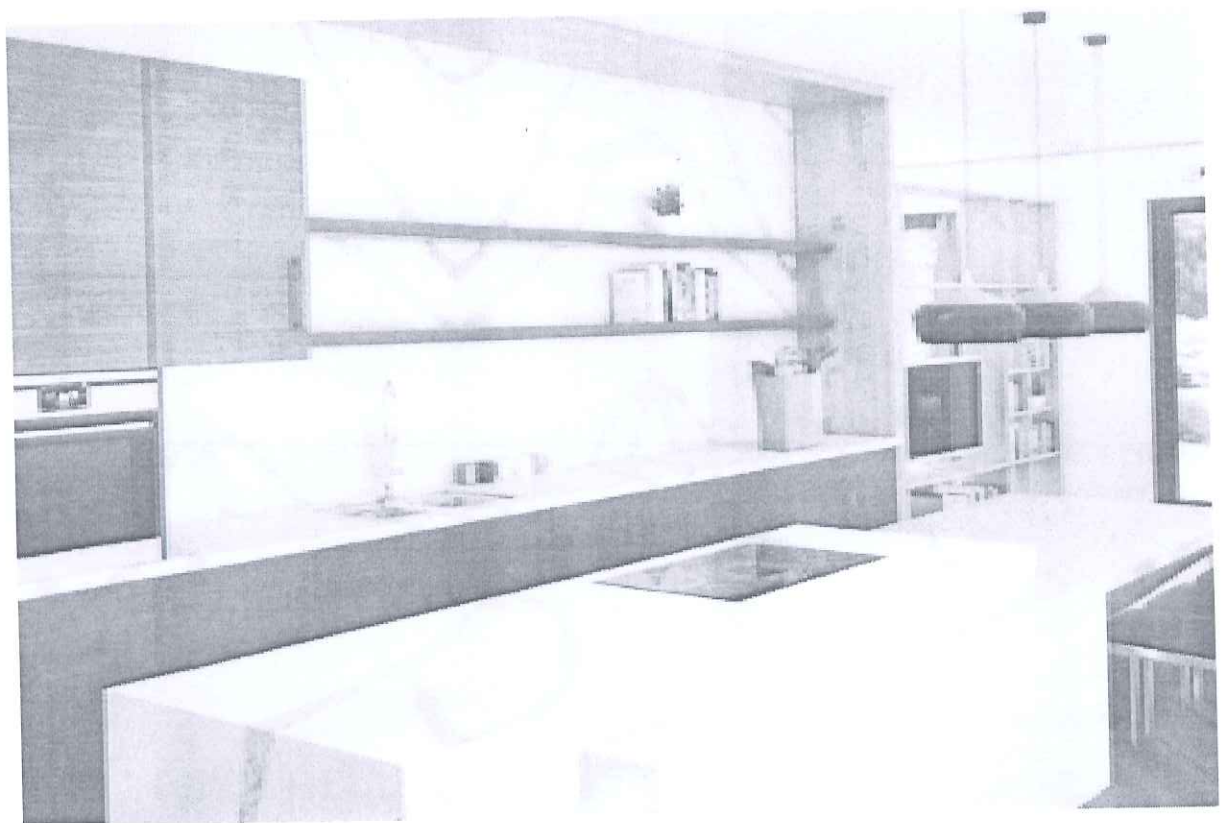
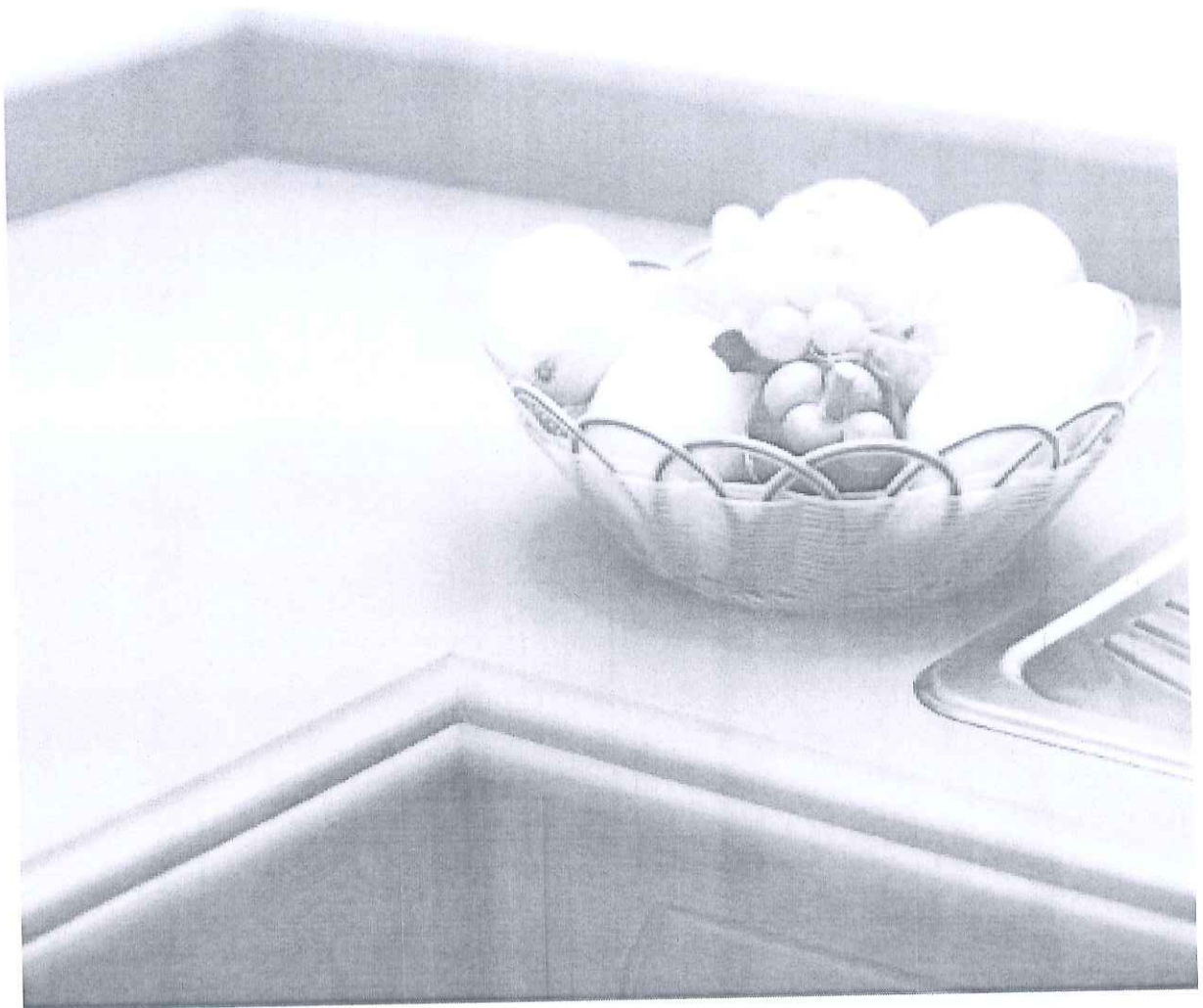
Một số sản phẩm tiêu biểu do STV chế tác và lắp đặt:

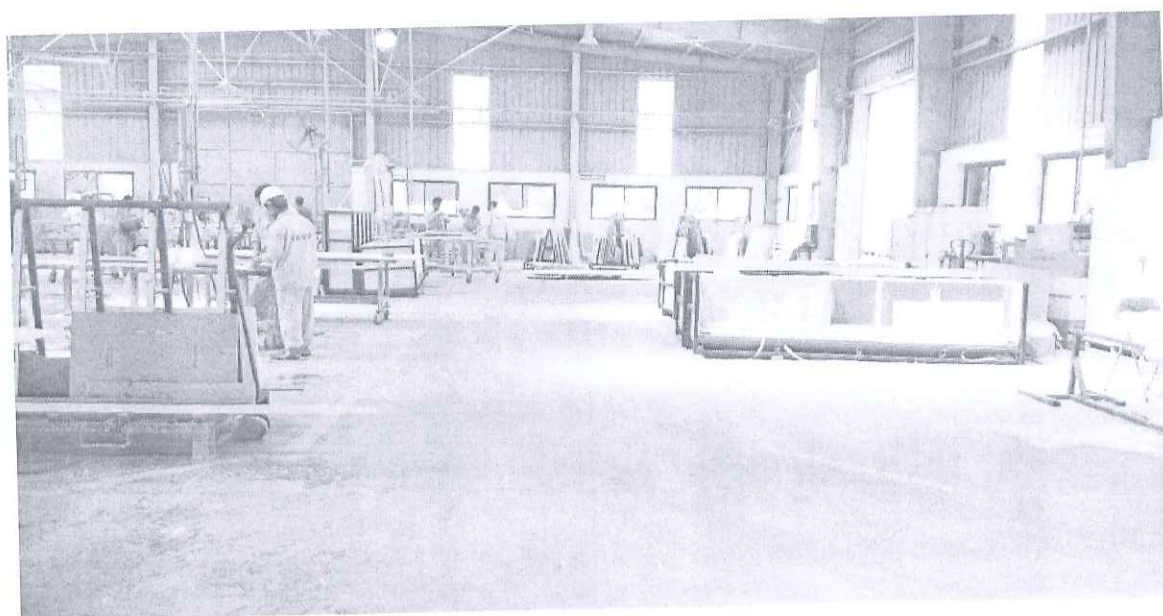




Đường nét tinh xảo







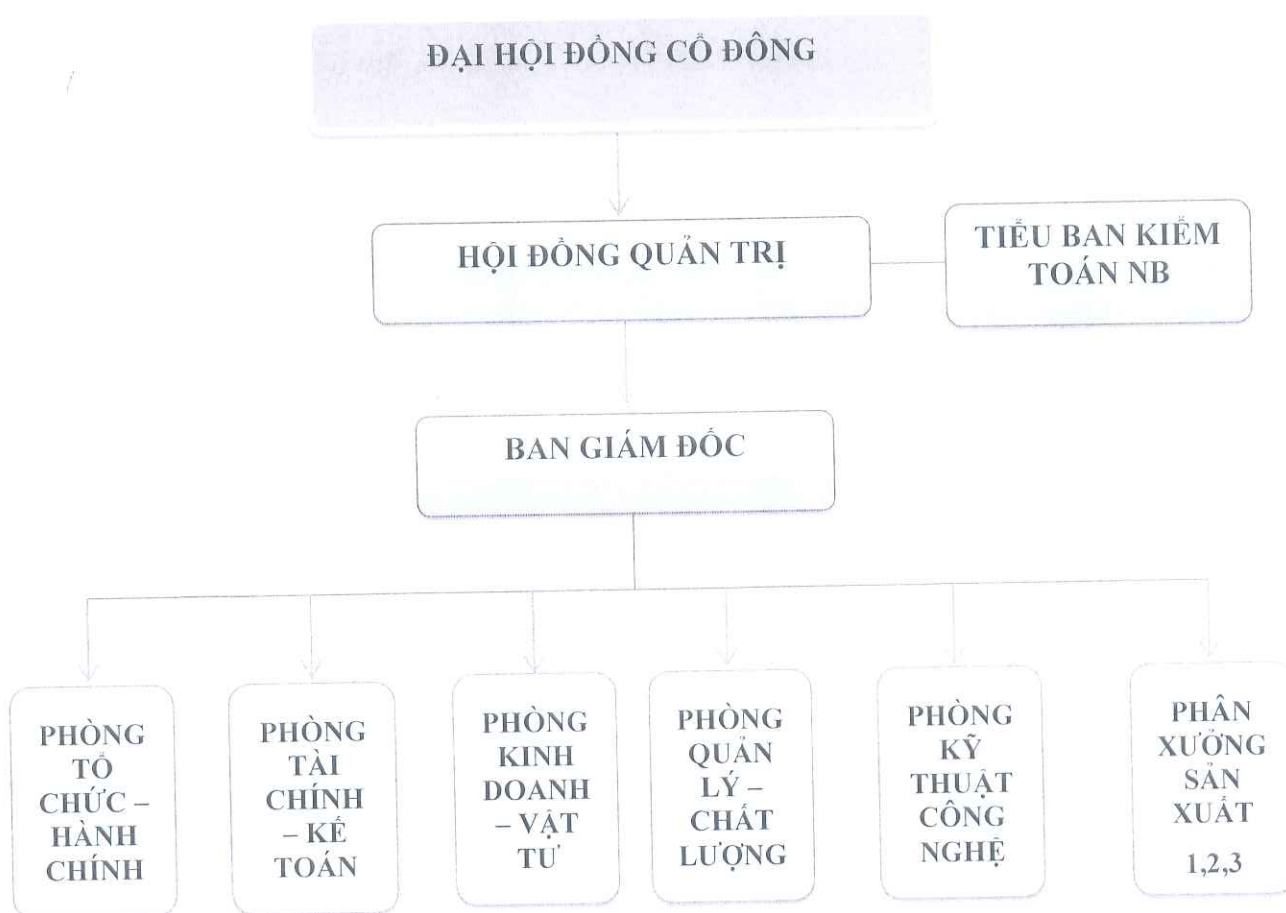
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông và các bộ máy quản trị bao gồm : Hội đồng Quản trị, Ban kiểm toán nội bộ, Ban Giám đốc và các phòng ban chức năng.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CP CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM



Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là đơn vị có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị

HDQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Hội đồng quản trị có 5 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm. Số lượng thành viên HĐQT có thể thay đổi tùy theo yêu cầu phát triển của Công ty và do ĐHĐCĐ quyết định.

Tiêu Ban kiểm toán nội bộ

Tiêu Ban kiểm toán nội bộ (BKTNB) trực thuộc Hội đồng quản trị có nhiệm vụ nghiên cứu đề xuất chiến lược, chính sách, quy chế, quy trình, mô hình, cơ cấu và các thủ tục quản trị rủi ro giúp đạt được mục tiêu chiến lược. Thực hiện các hoạt động kiểm toán nội bộ hàng năm theo kế hoạch. Tiêu ban kiểm toán nội bộ hiện có 1 thành viên.

Ban Giám Đốc

Ban Giám Đốc Công ty gồm Giám Đốc, các Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và bãi nhiệm. Các thành viên Ban Giám đốc có thể đồng thời là thành viên HĐQT và được HĐQT bầu, bổ nhiệm hoặc bãi miễn.

4.3. Danh sách công ty con, công ty liên kết

✓ **Công ty con:** Công ty cổ phần công nghiệp Trần Long

Địa chỉ: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch 3, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: cắt tạo đá và hoàn thiện đá

Tỷ lệ sở hữu: 99,99%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 99,99%

5. Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Mục tiêu chủ yếu là trở thành một trong những Công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất gia công, chế tác và lắp đặt hoàn thiện các sản phẩm từ đá nhân tạo gốc thạch anh thương hiệu VICOSTONE Quartz Surfaces sử dụng trong nội thất tại thị trường Việt Nam và trên thị trường Quốc tế.

- Tiếp tục duy trì và phát triển các mạng lưới dịch vụ tiêu thụ sản phẩm; Nâng cao uy tín hơn nữa, phấn đấu trở thành đối tác tin cậy của các doanh nghiệp trong lĩnh vực đá nhân tạo gốc thạch anh cao cấp,

- Đào tạo và nâng cao năng lực điều hành quản lý, năng lực khoa học kỹ thuật, kỹ năng giao tiếp với khách hàng, ... cho cán bộ công nhân viên, hướng đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ tốt hơn cho khách hàng,

- Quản trị tốt hệ thống phần mềm quản lý doanh nghiệp SAP_ERP (quản lý Tài chính, quản lý Kho, quản lý Bán hàng, quản lý Sản xuất - Lắp đặt - Dịch vụ bảo hành, ...).

- Xây dựng doanh nghiệp vững mạnh thông qua các chính sách ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống và gia tăng thu nhập cho cán bộ công nhân viên, củng cố tinh thần đoàn kết, tinh thần xây dựng, lòng nhiệt tình sáng tạo, ...

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Xây dựng thương hiệu Công ty CP chế tác đá Việt Nam trở thành thương hiệu hàng đầu ở Việt Nam và trên Thế giới trong lĩnh vực sản xuất gia công, chế tác các sản phẩm từ đá nhân

tạo gốc thạch anh thương hiệu VICOSTONE Quartz Surfaces bằng việc tăng cường công tác quảng cáo, marketing . . .

- Tập trung chủ yếu vào sản xuất để đáp ứng yêu cầu về năng lực và chất lượng sản phẩm cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu (đá mẫu và dự án gia công chế tác) thông qua Công ty CP Vicostone và Công ty CP tập đoàn Phụng Hoàng xanh A&A.

- Mở rộng các ngành nghề kinh doanh khác trong điều kiện cho phép phù hợp với chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty.

- Tiếp tục tăng cường năng lực tài chính để tạo sức mạnh cạnh tranh;

- Tăng cường chế độ đãi ngộ và thu hút nhân tài;

- Áp dụng các chuẩn mực quản trị tiên tiến, tăng cường công tác quản trị rủi ro;

- Đảm bảo hoạt động ổn định và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ		% tăng, giảm KH 2020 so với TH 2019	Hợp nhất		% tăng, giảm KH 2020 so với TH 2019
			TH 2019	KH 2020		TH 2019	KH 2020	
1	Doanh thu thuần	Tr.đồng	599.681	688.553	14,82	726.514	816.553	12,39
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	13.894	15.354	10,55	13.532	15.030	11,09

5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (đối với môi trường, xã hội và cộng đồng)

✓ Xác định con người là yếu tố quan trọng, quyết định sự thành công của Công ty, trong những năm qua Công ty luôn luôn chú trọng và thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách đối với người lao động thể hiện ở các điểm sau :

+ Công ty luôn đảm bảo công việc ổn định cho toàn thể CBCNV, mức thu nhập bình quân tăng dần theo năm cụ thể:

Năm 2016: 11.091.000 đồng/người/tháng

Năm 2017: 12.361.000 đồng/người/tháng

Năm 2018: 14.020.000 đồng/người/tháng

Năm 2019: 16.077.000 đồng/người/tháng

+ Thường xuyên có các chế độ khuyến khích thi đua trong các tổ, đội sản xuất, đóng hàng giúp tăng năng suất lao động

+ Thực hiện nghiêm túc các chế độ làm việc cho CBCNV như: bồi dưỡng làm ca 2, ca 3, chế độ khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản...đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động trong công ty theo đúng quy

định của pháp luật về lao động, hợp đồng lao động và thoả ước lao động tập thể. Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đầy đủ kịp thời cho người lao động.

+ Thường xuyên chăm lo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV trong toàn công ty: tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao, thực hiện nếp sống văn minh lịch sự.

+ Thăm hỏi động viên kịp thời CBCNV khi có việc hiếu hỷ, ốm đau, tổ chức quyên góp giúp đỡ CBCNV gặp hoàn cảnh khó khăn ...thể hiện tinh thần “lá lành đùm lá rách”.

+ Công ty mua Bảo hiểm sức khỏe cho toàn thể CBCNV trong công ty

+ Công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp được đặc biệt quan tâm chú trọng, việc huấn luyện an toàn lao động và trang bị bảo hộ cho người lao động được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ.

✓ Công ty cũng thường xuyên tham gia các chương trình ủng hộ từ thiện . . . khẳng định trách nhiệm với cộng đồng góp phần hướng tới một sự phát triển bền vững của xã hội

6. Các rủi ro

6.1 Rủi ro về tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản đi vay, cho vay và các khoản phải thu khác, phải thu khách hàng, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau :

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì khoản cho vay trong kỳ có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty).

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro sự thay đổi hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể và ít phát sinh.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng, Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

Đơn vị tính: VNĐ

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Tổng cộng
Số cuối năm			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	364.719.940.821		364.719.940.821
Chi phí phải trả	140.000.000		140.000.000
	364.859.940.821		364.859.940.821
Số đầu năm			
Các khoản vay và nợ		37.000.000.000	37.000.000.000
Phải trả người bán	403.623.670.459		403.623.670.459
Chi phí phải trả	70.000.000	-	70.000.000
	403.693.670.459	37.000.000.000	440.693.670.459

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng thanh toán khoản nợ này. Số dư nợ tập trung chủ yếu là từ Công ty cổ phần Vicostone, Công ty cổ phần tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A (bao tiêu đầu ra các sản phẩm của Công ty CP Chế tác đá Việt Nam) nên Công ty đánh giá rủi ro trong thanh toán nợ là thấp.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.2 Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần đồng thời đăng ký giao dịch trên sàn UpCom, Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về Công ty Cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Đặc biệt, Công ty hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng nên chịu sự chi phối của Luật Xây dựng và các quy định khác về bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Hệ thống pháp luật nước ta đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định chưa cao, các quy định còn mới đối với doanh nghiệp. Nhằm hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng tới việc nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật và chính sách quản lý của Nhà nước, từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp cho từng thời kỳ.

6.3 Rủi ro đặc thù

Rủi ro về nhân sự:

Nguồn nhân sự rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất gia công, chế tác đá do đó đội ngũ công nhân phải có chất lượng, tay nghề thuần thục. Nếu nhân sự liên tục thay đổi sẽ ảnh hưởng tới kế hoạch sản xuất và kết quả kinh doanh của Công ty. Nhận thức được hậu quả của rủi ro này, công ty đã có những biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro: điều chỉnh chế độ lương thưởng, phúc lợi đãi ngộ để thu hút nhân tài, giữ chân người lao động; tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm cho cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng và áp dụng hệ thống KPI với mục tiêu hàng tháng cụ thể, các tiêu chí đánh giá rõ ràng và mang tính định lượng cao nhằm đánh giá công bằng kết quả thực hiện công việc của người lao động.

Rủi ro về cạnh tranh:

Nếu như trước đây, đá nhân tạo Thạch anh – Quartz Surface chủ yếu được nhập khẩu trực tiếp từ Hàn Quốc thì bây giờ khách hàng tại Việt Nam đã có thể tin dùng sản phẩm đá quartz do các công ty Việt Nam sản xuất. Không những vậy, đã có rất nhiều công ty Việt Nam xuất khẩu đá quartz ra thị trường nước ngoài với số lượng lớn hàng năm. Trong đó tiêu biểu nhất là xuất khẩu sang nước Mỹ - một thị trường được đánh giá là "khó chiều".

STV cạnh tranh chủ yếu với các công ty trong nước như Inno Design, Royal, Phú Sơn Stone, Khang Minh Conslab Thạch Anh...và có cùng đối thủ cạnh tranh cùng với Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A trên toàn cầu như: Mỹ, Trung Quốc, Ý...

Cạnh tranh trên thị trường quốc tế: Đá thạch anh nhân tạo là một sản phẩm được chế tác dựa trên cảm hứng từ các loại đá tự nhiên, nhằm mục đích tạo ra một sản phẩm thay thế với chất lượng, mẫu mã tốt hơn các loại đá tự nhiên phổ biến. Tuy nhiên, STV không phải là nhà sản xuất đá nhân tạo duy nhất trên thế giới, đồng thời, đá nhân tạo gốc thạch anh cũng không phải là sản phẩm thay thế duy nhất cho đá tự nhiên. Do đó, STV luôn phải đối mặt với áp lực cạnh tranh từ các công ty sản xuất đá nhân tạo; từ các sản phẩm thay thế cho đá tự nhiên khác; thậm chí là cạnh tranh từ bản thân thị trường đá tự nhiên toàn cầu.

Cạnh tranh từ các đối thủ sản xuất đá nhân tạo: Đối thủ chính trong thị trường đá nhân tạo của Công ty là các tập đoàn lớn, các công ty gia đình có truyền thống sản xuất đá nhân tạo lâu đời như Cambria, Ceasarstone, SileStone và LG Stone, cùng với các công ty mới tại Trung Quốc và Ấn Độ.

Cạnh tranh từ các sản phẩm thay thế đá tự nhiên:

Người tiêu dùng trong nước chưa đặt nhiều quan tâm tới sản phẩm đá nhân tạo, mà thường ưa chuộng các sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên hơn, với tâm lý cho rằng sản phẩm tự nhiên sẽ có hình dáng, màu sắc và chất lượng tốt hơn sản phẩm nhân tạo.

Đá xẻ tự nhiên có ưu điểm là có kết cấu ổn định, giá trị thẩm mỹ cao nên là một vật liệu rất được ưa chuộng trong xây dựng. Tuy nhiên, do giá thành cao và nguồn cung hạn chế, cũng như với khả năng chống thấm thấp và độ giòn cao; nên trên thị trường cũng có rất nhiều sản phẩm khác nhau được sử dụng thay thế đá xẻ trong lĩnh vực vật liệu xây dựng như ceramic, laminates, thậm chí là bê tông, gỗ. Do đó, STV còn phải chịu sự cạnh tranh khốc liệt từ các sản phẩm tương đương từ các nhà cung cấp có tiếng trên thế giới như Inalco, antoniolupi (sản xuất ceramics) hay Pergo, Mohawk (sản xuất laminates).

Rủi ro an toàn lao động:

Đối với lĩnh vực gia công chế tác đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh, việc sản xuất gia công chế tác và lắp đặt trong điều kiện lao động khắc nghiệt như: môi trường làm việc nhiều tiếng ồn, nồng độ bụi cao, độ ẩm cao, công nhân thường mắc các bệnh về đường hô hấp, da ... Trong quá trình lắp đặt, rủi ro về an toàn lao động nếu xảy ra, đe dọa đến tính mạng người lao động.

6.4 Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty CP Chế tác đá Việt Nam đang nỗ lực không ngừng để trở thành Công ty hàng đầu ở Việt Nam trong lĩnh vực cung cấp, gia công, chế tác, lắp đặt hoàn thiện các sản phẩm đá nhân tạo gốc thạch anh sử dụng trong nội thất như Mặt bàn bếp, Mặt bàn Lavabo, Bồn tắm, các sản phẩm ốp lát.

Năm 2019 Công ty đã có bước phát triển mạnh đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế, tỷ trọng hàng xuất khẩu cut to size đã tăng trưởng tốt. Công ty liên tục cải tiến, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại để tăng năng suất lao động đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường trong nước khu vực Phía Bắc. Ngoài ra, Khu vực Phía nam, Công ty con là Công ty CP công nghiệp Trần Long đã hoạt động ổn định, đảm bảo cung cấp sản phẩm và các dịch vụ lắp đặt, bảo hành hoàn thiện cho thị trường Miền nam.

Công ty Cổ phần Chế tác Đá Việt Nam ngày càng được đông đảo người tiêu dùng biết đến và mong muốn sử dụng sản phẩm mang thương hiệu Vicostone cũng như dịch vụ của Công ty. Chất lượng sản phẩm và dịch vụ cũng như sự hài lòng của khách hàng là ưu tiên hàng đầu và là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của Công ty.

1.1 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

❖ Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019

- Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ:*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng trưởng
1	Tổng giá trị tài sản	468.217	562.570	21,15%
2	Tổng doanh thu	261.428	601.256	129,99%
2.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.491	599.681	130,21%
	- Doanh thu hàng hóa	5.153	4.581	-12,32%
	- Doanh thu thành phẩm	252.373	595.103	135,8%
	- Doanh thu khác	2.965	60	-97,98%
2.2	Doanh thu hoạt động tài chính	937	1.116	19,10%
3	Lợi nhuận từ HĐSX kinh doanh	10.738	13.440	25,16%
3.1	Lợi nhuận trước thuế	10.680	13.894	30,09%
3.2	Lợi nhuận sau thuế	8.749	11.752	34,32%
4	Số lao động bình quân năm (Người)	200	310	37,78%
5	Thu nhập bình quân	14.020	16.077	14,67%

- Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng trưởng
1	Tổng giá trị tài sản	636.340	708.321	11,31%
2	Tổng doanh thu	296.087	727.034	145,51%
2.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	296.064	726.514	145,39%
	- Doanh thu hàng hóa	1.552	2.582	66,37%
	- Doanh thu thành phẩm	291.158	723.872	148,62%
	- Doanh thu khác	3.354	60	-98,21%
2.2	Doanh thu hoạt động tài chính	23	30	30,43%
3	Lợi nhuận từ HĐSX kinh doanh	10.725	13.053	21,71%
3.1	Lợi nhuận trước thuế	10.691	13.532	26,57%
3.2	Lợi nhuận sau thuế	8.595	11.555	34,44%
4	Số lao động bình quân năm (Người)	249	384	54,22%
5	Thu nhập bình quân	13.282	15.387	15,85%

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2018 và 2019 của STV)

❖ Cơ cấu chi phí hoạt động SXKD qua các năm, tỷ trọng trên tổng doanh thu

- Số liệu Công ty mẹ:

Đơn vị tính: đồng

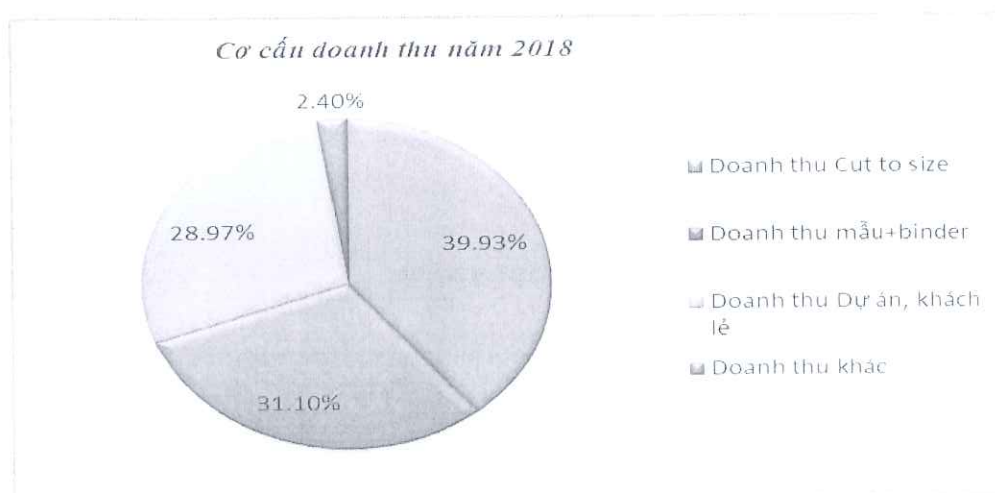
TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Tỷ lệ % chi phí /doanh thu	Năm 2019	Tỷ lệ % chi phí /doanh thu
1	Tổng Doanh thu	261.429.808.471		600.797.779.370	
	Trong đó:				
	Doanh thu gia công, chế tác + khác	260.490.833.065		599.681.513.691	
2	Tổng chi phí	250.749.226.156		587.362.260.752	
	Giá vốn hàng bán	234.956.500.640	89,87%	573.266.574.378	95,34%
	Chi phí bán hàng	2.098.417.676	0,80%	2.757.120.881	0,46%
	Chi phí quản lý	10.316.548.865	3,95%	12.494.488.669	2,08%
	Chi phí tài chính	3.318.024.600	1,27%	(1.161.279.748)	-0,19%
	Chi phí khác	59.734.375	0,02%	5.356.572	0,00%

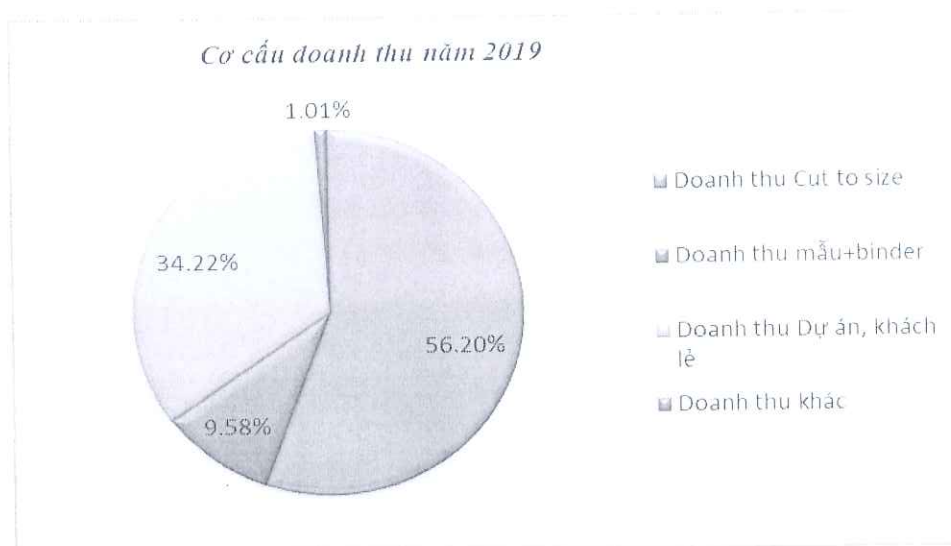
- Số liệu hợp nhất:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Tỷ lệ % chi phí /doanh thu	Năm 2019	Tỷ lệ % chi phí /doanh thu
1	Tổng Doanh thu	296,134,840,620		727,034,310,937	
	Trong đó:				
	Doanh thu gia công, chế tác + khác	296,064,382,713		726,514,314,999	
2	Tổng chi phí	285,443,436,976		713,501,533,154	
	Giá vốn hàng bán	267,376,719,079	90,29%	690,882,562,436	95,03%
	Chi phí bán hàng	2,098,417,676	0,71%	4,053,580,700	0,56%
	Chi phí quản lý	13,651,827,945	4,61%	17,702,795,078	2,43%
	Chi phí tài chính	2,235,743,635	0,75%	852,547,172	0,12%
	Chi phí khác	80,728,641	0,03%	10,047,768	0,00%

(Nguồn: Báo cáo đã được kiểm toán năm 2018 và năm 2019)





* **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn bán hàng công ty mẹ STV tăng 338,3 tỷ đồng tương ứng 143,98% tăng tương ứng với tỷ lệ tăng doanh thu. Giá vốn hợp nhất tăng 423,5 tỷ đồng tương ứng 158,39% do công ty con đã hoạt động ổn định và ghi nhận giá vốn tương ứng với doanh thu. Tỷ trọng giá vốn trên doanh thu năm 2019 đạt 95,34% cao hơn so với năm 2018 (89,87%) là do tỷ trọng doanh thu thay đổi: hàng cut to size năm 2019 chiếm 56,2% trên tổng doanh thu tăng 224,0% so với năm 2018, tỷ trọng doanh thu hàng dự án, khách lẻ trong nước năm 2019 chiếm 34,22% trên tổng doanh thu tăng 124,8% so với năm 2018, tỷ trọng doanh thu mẫu chiếm 9,58% trên tổng doanh thu giảm 22,7% so với năm 2018. Cơ cấu doanh thu thay đổi, không tận dụng được nguồn phôi thừa để cắt cho sản phẩm mẫu, mặt khác sản phẩm đá cắt lát sản của dự án nội địa cũng không mang lại lợi nhuận cao do giá gia công thấp. Do đó tỷ lệ giá vốn trên doanh thu năm 2019 cao hơn so với năm 2018.

* **Chi phí bán hàng:** năm 2019 tăng 31,4% so với năm 2018 chủ yếu là do tăng chi phí tiền lương cho nhân viên bán hàng. Tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu năm 2019 cũng giảm so với năm 2018 do tốc độ tăng doanh thu nhanh hơn tốc độ tăng của chi phí.

* **Chi phí quản lý:** Năm 2019 tăng 2,1 tỷ đồng tương ứng 21,11% chủ yếu do chi phí công cụ và chi phí nhân viên quản lý tăng. Xét trên tỉ trọng doanh thu, năm 2019 giảm hơn so với năm 2018 là 1,37%, do tốc độ tăng doanh thu cao hơn so với tốc độ tăng của chi phí, Công ty cũng thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả hoạt động.

Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2018	Năm 2019	Chênh lệch
	10.316.548.865	12.494.488.669	2.177.939.804
Chi phí nhân viên	6.004.589.542	6.538.862.916	534.273.374
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	419.531.402	1.061.495.243	641.963.841
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.889.217.747	1.882.983.830	(6.233.917)
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(381.931.938)	-	381.931.938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.043.704.215	1.451.566.335	407.862.120
Chi phí bằng tiền khác	1.341.437.897	1.559.580.345	218.142.448

* **Chi phí hoạt động tài chính:** năm 2019, Công ty mẹ hoàn nhập khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn: 2,01 tỷ đồng (đây là khoản lợi nhuận của công ty con trong năm 2019) và đã tất toán khoản vay 37 tỷ đồng của Công ty CP tập đoàn Phụng Hoàng xanh A&A. Do đó chi phí tài chính đã giảm đáng kể so với năm 2018. Theo số liệu hợp nhất, Chi phí tài chính

năm 2019 giảm 1,38 tỷ đồng tương ứng giảm 61,8% so với năm 2018. Tỷ trọng chi phí tài chính trên doanh thu hợp nhất chiếm 0.12%.

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

✓ **Khó khăn, hạn chế**

- Xu hướng người tiêu dùng đang ưa chuộng dùng nhiều sản phẩm có vein đa dạng nên việc tận dụng phối thừa để ghép shade cho các đơn hàng khác khó khăn hơn, làm tăng chi phí rác thải.

- Sản phẩm của Công ty được chế tác từ nguyên liệu là vật liệu cao cấp của Công ty CP Vicostone, Công ty CP Style stone nên giá thành của sản phẩm tương đối cao so với sản phẩm cùng loại được chế tác từ đá tự nhiên, đá nhân tạo của Trung Quốc do đó đã ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh về giá của sản phẩm tại thị trường trong nước.

- Sản phẩm tập trung vào mặt bàn bếp nên hiện tại chưa chủ động trong hoạt động lắp đặt mà vẫn đang phụ thuộc vào các đơn vị cung cấp tủ gỗ.

✓ **Thuận lợi:**

- Sản phẩm của Công ty được chế tác từ đá thạch anh cao cấp mang thương hiệu VICOSTONE đã có mặt trên 40 quốc gia tại khắp các châu lục. Thương hiệu VICOSTONE được đẩy mạnh quảng bá ở thị trường trong nước. Các SHOW ROOM lớn tại Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Nha Trang, Đà Nẵng góp phần đưa thương hiệu VICOSTONE đến gần hơn với người tiêu dùng trong nước. Nhiều hoạt động truyền thông, marketing trên khắp cả nước đã tạo một bước ngoặt để tăng thị phần trong nước.

- Việc Mỹ áp thuế lên các mặt hàng của Trung Quốc cũng đã phần nào tạo lợi thế tăng trưởng doanh thu của sản phẩm xuất khẩu (Cut to size) của Công ty.

- Sản phẩm có nhiều ưu điểm vượt trội trong ứng dụng nội thất, đặc biệt bàn bếp, bàn bar, bàn đảo.

- Bộ máy quản lý của Công ty đã từng bước được kiện toàn, tăng cường thêm các vị trí quản lý chủ chốt, thành lập mới thêm 2 phòng ban chức năng đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

- Công ty đã tập trung mọi biện pháp, phát huy tối đa nội lực, tận dụng thời cơ kinh doanh nhằm ổn định sản xuất, tạo đà phát triển cho doanh nghiệp, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm so với các sản phẩm cùng loại trên thị trường vật liệu trong và ngoài nước.

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Tình hình thực hiện so với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 được thể hiện với một số chỉ tiêu như sau:

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Công ty mẹ			Hợp nhất		
			Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	% tăng trưởng TH so với KH	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	% tăng trưởng TH so với KH
1	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	392,838	601.256	53,05%	463.835	727.034	56,74%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	13.808	13.894	0,62%	11.591	13.532	16,75%

Năm 2019 với nhiều thách thức, áp lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế và trong nước. Chính sách áp thuế của Mỹ đối với Trung Quốc cũng ảnh hưởng đáng kể đến ngành chế tác. Mặt khác, Công con là Công ty cổ phần công nghiệp Trần Long đã đi vào sản xuất ổn định và đã ghi nhận doanh thu đạt 128,8 tỷ đồng (tăng trưởng 225% so với năm 2018) đóng góp đáng kể vào việc tăng trưởng doanh thu của Công ty CP Chế tác đá Việt Nam. Doanh thu của công ty mẹ STV tăng 130,21% tương ứng 339,19 tỷ đồng so với năm 2018 và tăng 53,05% tương ứng 208,4 tỷ đồng so với kế hoạch. Doanh thu hợp nhất tăng 145,51% tương ứng 430,9 tỷ đồng so với năm 2018 và tăng 56,74% tương ứng 263,19 tỷ đồng so với kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế tăng 30,09% tương ứng 3,21 tỷ đồng so với năm 2018 và tăng 0,62% tương ứng 0,86 tỷ đồng so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất tăng 26,57% tương ứng 2,84 tỷ đồng so với năm 2018 và tăng 16,75% tương ứng với 1,94 tỷ đồng so với kế hoạch. Công ty con là Công ty CP CN Trần Long năm 2019 đã có lợi nhuận trước thuế 2,011 tỷ đồng và đóng góp vào mức tăng trưởng lợi nhuận hợp nhất của Công ty.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

Ông Lưu Công An	Giám đốc
Ông Đỗ Quang Tiến	Phó Giám đốc
Ông Ninh Quốc Cường	Phó Giám đốc
Bà Cao Hoàng Lan	Kế toán trưởng

Ông Lưu Công An - Giám đốc công ty

Ngày tháng năm sinh	15/07/1965
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư động lực

Quá trình công tác

Từ năm 2000-10/2004	Phó phòng thiết kế Công ty Diesel Sông Công
---------------------	---

Từ tháng 10/2004-11/2004	Trưởng phòng kỹ thuật CTCP đá ốp lát cao cấp VINACONEX
Từ tháng 12/2004-04/2005	Quản đốc phân xưởng Brestone CTCP đá ốp lát cao cấp VINACONEX
Từ tháng 05/2005-02/2007	Phó giám đốc- Công ty CP đá ốp lát cao cấp VINACONEX
Từ tháng 03/2007-08/2015	Ủy viên HĐQT Công ty CP Vicostone
Từ tháng 03/2007 đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Vicostone
Từ năm 2016 đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty CP tập đoàn Phụng hoàng xanh A&A
Chức vụ hiện nay ở Công ty	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác	Phó tổng Giám đốc Công ty CP tập đoàn Phụng hoàng xanh A&A Phó tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vicostone

Ông Đỗ Quang Tiến – Phó Giám đốc

Ngày tháng năm sinh	03/09/1981
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	
Từ tháng 6/2004-10/2006	Kỹ sư Phòng kỹ thuật, Phân xưởng Nghiên cứu, Phân xưởng Brestone, Phòng Quản lý chất lượng Công ty CP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 10/2006-04/2007	Phó Trưởng phòng QLCL CTCP đá ốp lát cao cấp VINACONEX
Từ tháng 04/2007-06/2008	Phó Trưởng phòng Vật tư CTCP đá ốp lát cao cấp VINACONEX
Từ tháng 06/2008-06/2016	Trưởng phòng Vật tư Công ty CP đá ốp lát cao cấp VINACONEX (Từ năm 2013 đổi tên thành Công ty CP Vicostone)
Từ tháng 06/2016-03/2017	Giám đốc Nhà máy sản xuất số 2 Công ty CP Vicostone
Từ tháng 04/2017-03/2018	Trưởng phòng Vật tư Công ty cổ phần Vicostone
Từ tháng 03/2018 đến nay	Phó Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ hiện nay ở Công ty	Phó Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác	Không

Ông Ninh Quốc Cường - Phó Giám đốc

Ngày tháng năm sinh	06/02/1962
---------------------	------------

Trình độ chuyên môn

Công nhân mộc bậc 7/7

Quá trình công tác

Từ tháng 06/2003 - 04/2008

Quản đốc Phân xưởng sản xuất Công ty
VINADECOR

Từ tháng 05/2008 – 09/2009

Quản đốc Phân xưởng sản xuất kiêm Phó Trưởng
Ban quản lý dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy
sản xuất, chế tác đá trang trí nội thất” thuộc Công
ty CP Chế tác đá Việt nam

Từ tháng 10/2009 – 08/2012

Phó Giám đốc, kiêm Quản đốc Phân xưởng sản
xuất Công ty CP Chế tác đá Việt nam

Từ tháng 09/2012 – 03/2018

Ủy viên HĐQT- Phó Giám đốc Công ty CP Chế
tác đá Việt nam

Từ tháng 04/2018 – nay

Phó Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam

Chức vụ hiện nay ở Công ty

Phó Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt nam

Chức vụ đảm nhận ở các Công ty khác

Không

Bà Cao Hoàng Lan – Kế toán trưởng Công ty

Ngày tháng năm sinh

01/08/1978

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

Từ tháng 2/2002 –08/2008

Nhân viên kế toán – Chi nhánh Hà nội –Tổng
công ty 28-Bộ quốc phòng

Tháng 9/2008 – 4/2011

Kế toán trưởng Công ty Cổ phần SX&TM Tâm
Việt

Từ tháng 5/2011-06/2013

Phó phòng tài chính kế toán – Công ty CP tập
đoàn AUSTDOOR

Từ tháng 7/2013-04/2014

Phó phòng tài chính kế toán – Công ty CP
AUSTDOOR Miền bắc

Từ tháng 7/2014-02/2015

Nhân viên phòng tài chính kế toán – Công ty CP
VICOSTONE

Từ tháng 3/2015-09/2016

Nhân viên Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP
Style Stone

Từ tháng 10/2016-12/04/2017

Phó trưởng phòng tài chính kế toán – Công ty CP
Style stone

Từ 12/04/2017 đến nay

Kế toán trưởng Công ty CP Chế tác đá Việt nam

Chức vụ đảm nhận ở các công ty khác

Không

2.2 Những thay đổi thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Hội đồng quản trị

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
1	Lưu Công An	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 07/05/2019
2	Phạm Anh Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07/05/2019
3	Nguyễn Xuân An	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 31/03/2019
4	Thiều Thị Ngọc Hiền	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 31/03/2019
5	Đỗ Quang Bình	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 31/03/2019

Tính đến ngày 31/12/2019, Hội đồng quản trị Công ty có 1 thành viên độc lập và 3 thành viên HĐQT không tham gia điều hành.

Ban Giám đốc

Trong năm 2019, không có sự thay đổi về nhân sự

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát được giải thể theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18/04/2019.

TT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
1	Phạm Ngọc Đông	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 18/04/2019
2	Trần Lan Phương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 18/04/2019
3	Nguyễn Thị Phương Thúy	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 18/04/2019

Tiểu Ban kiểm toán nội bộ:

Tiểu Ban kiểm toán nội bộ được thành lập theo Nghị quyết của HĐQT số 09/2019/NQ/STV-HĐQT ngày 01/07/2019. Tiểu ban hiện có một nhân sự là Ông Nguyễn Trí Tuấn Anh đảm nhiệm dưới sự giám sát của Bà Thiều Thị Ngọc Hiền – thành viên HĐQT được HĐQT phân công chuyên trách về lĩnh vực kiểm toán.

Kế toán trưởng:

Trong năm 2019, không có sự thay đổi về nhân sự

Việc thay đổi nhân sự chủ chốt (Thành viên HĐQT, Ban giám đốc) được Công ty công bố trên Website của Công ty tại địa chỉ: www.stonevietnam.com và báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà nội kịp thời, tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật về công bố thông tin.

2.3. Công tác nhân sự và những chính sách đối với người lao động

Tính đến ngày 31/12/2019 tổng số lao động của Công ty CP Chế tác đá Việt nam có 310 người, trong đó lao động nam là 262 người chiếm 84,52%, lao động nữ 48 người chiếm

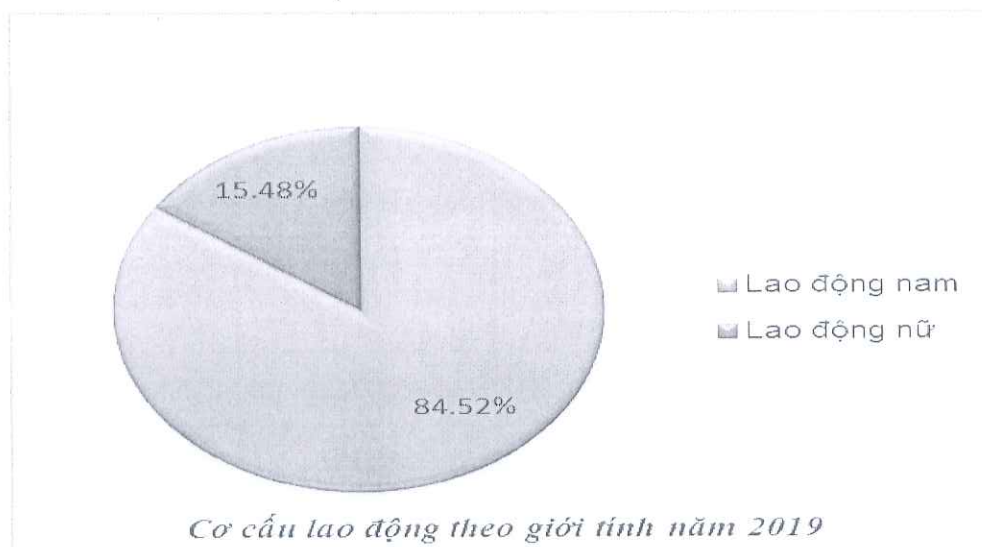
15,48%. Nhân sự trẻ ở độ tuổi từ 25-34 chiếm tỷ trọng lớn nhất (187 lao động chiếm 60,9% tổng số lao động trong Công ty). Lao động trong Công ty hiện nay thuộc lao động trẻ (độ tuổi dưới 35 chiếm 66% tổng số lao động của Công ty), hầu hết đã được qua đào tạo nghề.

Cơ cấu lao động phân theo trình độ:

TT	Trình độ	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Số lượng người	Tỷ lệ (%)	Số lượng người	Tỷ lệ (%)	Số lượng người	Tỷ lệ (%)
1	Thạc sỹ	1	0,5		0,00		0,00
2	Đại học	41	21,9	42	18,7	55	17,7
3	Cao đẳng và trung cấp	32	17,1	51	22,7	72	23,2
4	Công nhân kỹ thuật	94	50,3	96	42,6	106	34,3
5	Lao động phổ thông	19	10,2	36	16,0	77	24,8
Cộng		185	100,0	225	100,0	310	100,0

Cơ cấu lao động theo độ tuổi





Nguồn nhân lực trẻ hiện nay của Công ty chính là lợi thế giúp Công ty xây dựng đội ngũ nhân sự kế cận có năng lực, nhiệt huyết làm tiền đề cho sự phát triển dài hạn.

Với số lao động có trình độ qua đào tạo nghề trở lên chiếm 75,16% tổng số lao động cho thấy chất lượng nguồn nhân lực của Công ty khá tốt, thuận lợi để sử dụng, bố trí và đào tạo nâng cao đáp ứng yêu cầu và mục tiêu chiến lược của Công ty.

Các chế độ chính sách đối với người lao động: luôn luôn được Công ty chú trọng và thực hiện nghiêm túc, thể hiện ở các điểm sau:

- Công ty luôn đảm bảo công việc đều đặn cho toàn thể CBCNV, mức thu nhập bình quân tăng dần theo năm cụ thể:

ĐVT: đồng/người/tháng

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Thu nhập bình quân của người lao động	12,360,000	14,020,000	16,077,000

Thu nhập bình quân của người lao động năm 2019 tăng 14,68% so với năm 2018 và tăng 30,08% so với năm 2017.

- Thực hiện nghiêm túc các chế độ làm việc cho CBCNV như: bồi dưỡng làm ca 2, chế độ khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản...đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động trong công ty theo đúng quy định của pháp luật về lao động, hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể. Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ kịp thời cho người lao động. Công ty mua bảo hiểm sức khỏe cho toàn bộ CBCNV trong công ty

- Thường xuyên chăm lo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV trong toàn công ty: tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao chào mừng các sự kiện lớn trong năm như: team building, sinh nhật công ty.

- Thăm hỏi động viên kịp thời CBCNV khi có việc hiếu hỷ, ốm đau, tổ chức quyên góp giúp đỡ CBCNV gặp hoàn cảnh khó khăn ...thể hiện tinh thần “lá lành đùm lá rách”.

- Công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp được đặc biệt quan tâm chú trọng, việc huấn luyện an toàn lao động và trang bị bảo hộ cho người lao động được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

3.1 Tình hình thực hiện các dự án đầu tư máy móc, thiết bị năm 2019

- Mua 3 máy cắt nước Water jet
 - Tổng mức đầu tư được phê duyệt: 3.445.485.454 đồng
 - Nguồn vốn: Vốn tự có của Công ty
 - Mục tiêu đầu tư: tự động hóa, tăng năng suất lao động
 - Thời gian thực hiện: từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 07 năm 2019
 - Tình hình thực hiện: đã hoàn thiện lắp đặt và chuyển giao sản xuất ổn định
- Mua 5 máy cắt cầu
 - Tổng mức đầu tư được phê duyệt: 1.914.799.346 đồng
 - Nguồn vốn: Vốn tự có và vốn vay
 - Mục tiêu đầu tư: tự động hóa, tăng năng suất lao động
 - Tình hình thực hiện: NCC đã hoàn tất việc chuyển giao, lắp đặt sản xuất ổn định
- Mua 02 xe nâng hàng
 - Tổng mức đầu tư được phê duyệt: 1.060.000.000 đồng
 - Nguồn vốn: Vốn tự có
 - Mục tiêu đầu tư: tăng cường công tác đóng cont giao hàng
 - Tình hình thực hiện: NCC đã hoàn tất việc chuyển giao và sử dụng từ tháng 4/2019.

➤ Các dự án và hạng mục đầu tư nhỏ khác

Trong năm 2019, Công ty đã đầu tư, mua sắm máy sấy khí, buồng cắt khô, máy hút bụi, máy phào, cầu trục dầm đơn tăng cường cho công tác sản xuất với tổng mức đầu tư 774,47 triệu đồng.

3.2 Công ty con, công ty liên kết :

Công ty con:

Công ty cổ phần công nghiệp Trần Long

Địa chỉ: Đường số 8, khu công nghiệp Nhơn Trạch 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Ngành nghề kinh doanh chính: Casting đúc và hoàn thiện đá

Tỷ lệ sở hữu: 99,99%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 99,99%

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Số liệu Công ty mẹ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tr đồng	468.217	562.570	20,15%
2	Tổng doanh thu	Tr đồng	261.429	601.256	129,99%
	Trong đó:				
	<i>Doanh thu gia công, chế tác và khác</i>	<i>Tr đồng</i>	260.491	599.681	130,21%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	10.681	13.894	30,08%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	8.749	11.752	34,32%
5	Thu nhập bình quân người/tháng	1.000 đ	14.020	16.077	14,67%

Số liệu Hợp nhất

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tr đồng	636,340	708,321	11,31%
2	Tổng doanh thu	Tr đồng	296,134	727,034	145,51%
	Trong đó:				
	<i>Doanh thu gia công, chế tác và khác</i>	<i>Tr đồng</i>	296,064	726,514	145,39%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	10,691	13,532	26,57%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	8,595	11,555	34,44%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm	đồng	723	972	34,44%
6	Thu nhập bình quân người/tháng	1.000 đ	13,282	16,077	21,04%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Công thức tính	Công ty mẹ		Hợp n hất	
		Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019
1. Các hệ số thanh toán					
Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (lần)	Tổng tài sản/tổng nợ phải trả	1.64	1.53	1.41	1.38
Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (lần)	Tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	1.44	1.37	1.24	1.24
Hệ số khả năng thanh toán nhanh (lần)	(Tài sản ngắn hạn- hàng tồn kho)/Tổng nợ ngắn hạn	0.15	0.13	0.09	0.08
2. Các Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.60	0.66	0.7	0.72
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1.56	1.90	2.43	2.61
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Số ngày hàng tồn kho (ngày)	360* Hàng tồn kho bình quân/ Giá vốn hàng bán	417	259	508	288
Số ngày phải thu tiền bán hàng (ngày)	360*(Số dư bình quân các khoản phải thu – người mua trả trước tiền bình quân)/Doanh thu thuần	27	12	3	1
Số ngày phải trả người bán (ngày)	360*(Khoản phải trả bình quân- Trả tiền trước cho người bán BQ)/Giá vốn hàng bán	287	205	407	250
Vòng quay tài sản (vòng)	Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	0.71	1.16	0.61	1.08
4. Tỷ suất sinh lời					
Tỷ suất sinh lời trên doanh thu	LNST/ Doanh thu thuần	3.36%	1.96%	2.90%	1.59%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	LNST/Vốn chủ sở hữu	4.79%	6.06%	4.63%	5.88%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	LNST/Tổng tài sản BQ	2.39%	2.28%	1.77%	1.72%
Thu nhập trên cổ phần (EPS) (đồng)				723	972
Giá trị sổ sách		16363	17438	16612	17670

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2018 và 2019)

Các chỉ số về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn năm 2019 đều thấp hơn năm 2018 là do tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn thấp hơn tốc độ tăng của nợ ngắn hạn và hàng tồn kho năm 2019 cao hơn năm 2018.

Hệ số nợ/Tổng tài sản và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2019 cao hơn năm 2018 là do tốc độ tăng của nợ phải trả nhanh hơn tốc độ tăng của tài sản và Vốn chủ sở hữu.

Số ngày hàng tồn kho năm 2019 của cả Công ty mẹ và hợp nhất đều giảm so với năm 2018 (Công ty mẹ giảm 158 ngày và hợp nhất giảm 219 ngày) là do doanh thu năm 2019 tăng cao, giải phóng được lượng hàng tồn kho dự phòng nguyên liệu đầu năm 2018 lớn. Hiện công ty vẫn duy trì hàng tồn kho dự phòng đảm bảo đáp ứng yêu cầu giao hàng nhanh của khách hàng.

Số ngày phải thu tiền bán hàng năm 2019 cũng giảm đáng kể so với năm 2018 là do doanh thu tăng cao đạt 130,21% so với năm 2018.

Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần năm 2019 thấp hơn năm 2018 là doanh thu của sản phẩm đá cắt cho đơn hàng dự án nội địa trong nước lợi nhuận không cao, làm cho doanh thu tăng cao và tỷ suất sinh lời trên doanh thu thấp.

Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu tăng hơn so với năm 2018 là tốc độ tăng của Lợi nhuận sau thuế cao hơn tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu.

Nhìn chung, các chỉ số về khả năng thanh toán, chỉ tiêu về cơ cấu vốn, năng lực hoạt động và tỷ suất sinh lời có sự biến động so với năm 2018 nhưng đã thể hiện được kết quả quản trị chi phí của Công ty trong năm 2019.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành : **11.000.000** cổ phần

Trong đó : - Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : **11.000.000** cổ phần

- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : **0** cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 06/03/2020)

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Phượng Hoàng xanh A&A	Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, VN	6.658.589	60,53%
	Tổng		6.658.589	60,53%

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 06/03/2020)

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần VICOSTONE	Khu Công nghệ cao Hoà Lạc, Thạch Hoà, Thạch Thất, Hà Nội	0	0%
2	Phạm Minh Hùng	Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	0	0%
3	Phạm Trí Dũng	Hải Hậu - Nam Định	0	0%
Tổng			0	0%

Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 06/03/2020

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sáng lập	0	0	0%
2	Cổ đông phổ thông khác	11.000.000	110.000.000.000	100,00%
	Tổng	11.000.000	110.000.000.000	100,00%
1	Cổ đông trong nước	10.996.600	109.966.000.000	99,96%
2	Cổ đông nước ngoài	3.400	34.000.000	0,04%
	Tổng	11.000.000	110.000.000.000	100,00%
1	Cổ đông pháp nhân	6.658.689	66.586.890.000	60,53%
2	Cổ đông thể nhân	4.341.311	43.413.110.000	39,47%
	Tổng	11.000.000	110.000.000.000	100,00%
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
2	Cổ đông khác	11.000.000	110.000.000.000	100,00%
	Tổng	11.000.000	110.000.000.000	100,00%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :

	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Vốn góp của cổ đông	Tỷ đồng	65,1275	65,1275	110,000	110,000	110,000

Tính đến 31/12/2019, tổng số cổ phần đang lưu hành trên thị trường là: 11.000.000 (Mười một triệu) cổ phiếu

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2019

1.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh như sau:

- Số liệu công ty mẹ

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Tăng trưởng (+,-%)
1	Tổng tài sản	Tr.đồng	468,217	562,570	20.15%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	182,794	193,901	6.08%
	Trong đó: Vốn điều lệ	Tr.đồng	110	110	
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	261,429	601.256	129.99%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	10,680	13,894	30.09%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	8,749	11,752	34.32%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	4.79%	6.06%	26.53%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	1.87%	2.09%	11.71%
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu lưu hành bình quân (EPS)	VND			-35.85%

- Số liệu hợp nhất

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Tăng trưởng (+,-%)
1	Tổng tài sản	Tr.đồng	636.340	708.321	11,31%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	185.538	196.448	5,88%
	Trong đó: Vốn điều lệ	Tr.đồng	110	110	
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	296.134	727.034	145,51%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	10.691	13.532	26,57%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	8.595	11.555	34,44%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	4,63%	5,88%	27,04%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	1,35%	1,63%	20,84%
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu lưu hành bình quân (EPS)	VND	723	972	34,44%

(Nguồn: Báo cáo đã kiểm toán năm 2018, 2019)

Năm 2019, Ban Giám đốc Công ty đã chú trọng mở rộng hoạt động sản xuất đáp ứng yêu cầu gia tăng nhanh đơn đặt hàng của phòng bán hàng, luôn tìm kiếm các giải pháp nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh; kiểm soát và tiết giảm chi phí, tăng cường hoạt động đầu tư và phát triển nguồn nhân lực. Doanh thu năm 2019 của Công ty mẹ đạt 599,681 tỷ đồng tăng 129,39% so với năm 2018 (tương ứng 338,25 tỷ đồng), doanh thu hợp nhất tăng 145,37% so với năm 2018 tương ứng 430,42 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế năm 2019 của công ty mẹ đạt 11,752 tỷ đồng tăng 34,32% so với năm 2018, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 11,555 tỷ đồng tăng 34,44% so với năm 2018 là do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ tăng 129,39% ~ 338,25 tỷ đồng so với năm 2018 chủ yếu do đơn hàng Cut to size tăng mạnh. Doanh thu cut to size tăng 232,99 tỷ đồng, tương ứng tăng 224,02% so với năm 2018. Việc được hưởng lợi từ việc Mỹ đánh thuế các sản phẩm của Trung Quốc cũng giúp cho Công ty nhận được nhiều đơn hàng Cut to size, đóng góp vào việc tăng trưởng doanh thu của năm 2019. Ngoài ra doanh thu dự án, khách lẻ trong nước cũng tăng đáng kể 129,7 tỷ đồng tương ứng 171,95%. Mặt khác Công ty con là Công ty CP CN Trần Long hoạt động ổn định, doanh thu cũng tăng trưởng tốt nên doanh thu hợp nhất tăng 430,42 tỷ đồng tương ứng 145,37 % so với năm 2018. Cơ cấu doanh thu giữa các dòng sản phẩm của Stone Vietnam năm 2019 như sau:

TT	Doanh thu	Năm 2018	Tỷ trọng/ tổng DT 2018 (%)	Năm 2019	Tỷ trọng/ tổng DT 2019(%)
1	Doanh thu Cut to size	104,006,626,130	39,93%	337,003,134,068	56,20%
2	Doanh thu mẫu+binder	81,016,215,960	31,10%	57,442,845,653	9,58%
3	Doanh thu Dự án, khách lẻ	69,222,013,034	28,97%	199,174,715,164	34,22%
4	Doanh thu khác	6,245,977,941	2,40%	6,060,818,806	1,01%
	Cộng	260,490,833,065	100%	599,681,513,691	100%

2. Phân tích tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Công ty hạch toán kế toán theo đúng Luật kế toán hiện hành.

▪ Tình hình tài sản

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	54.851.865.780	33.265.067.471	21.586.798.309
	Máy móc thiết bị	45.134.707.941	22.356.643.713	22.778.064.228

	Phương tiện vận tải	7.988.573.875	4.494.161.415	3.494.412.442
	Thiết bị, dụng cụ quản lý	519.334.128	390.556.245	128.777.883
	Tài sản khác	458.840.000	167.251.068	291.588.932
II	Tài sản cố định vô hình			
	Phần mềm máy tính	3.572.286.800	1.488.452.833	2.083.833.967

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2019)

▪ **Trích khấu hao TSCĐ**

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình. TSCĐ được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	08 - 11
Máy móc thiết bị	05 - 11
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Phần mềm máy tính	05

▪ **Vốn điều lệ và vốn kinh doanh**

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017 (Hợp nhất)	31/12/2018 (Hợp nhất)	31/12/2019 (Hợp nhất)
Vốn điều lệ	65.127.500.000	110.000.000.000	110.000.000.000	110.000.000.000
Vốn chủ sở hữu	124.814.690.867	177.615.449.242	185.538.484.950	196.448.895.805

▪ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các khoản nợ phải trả, không có khoản nợ quá hạn trên một năm.

▪ **Các khoản phải thu**

Đơn vị: Đồng

TT	Nội dung	31/12/2018 (Hợp nhất)	31/12/2019 (Hợp nhất)	Chênh lệch
1	Phải thu của khách hàng	4.550.825.735	4.344.640.736	(206.184.999)
2	Trả trước cho người bán	480.174.511	1.604.978.147	1.124.803.636
3	Các khoản phải thu khác	361.823.905	418.531.163	56.707.258
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.750.964.535)	(3.750.964.535)	-
	Tổng cộng	2.528.446.390	2.617.185.511	88.739.121

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2018 và 2019)

Các khoản phải thu tăng nhẹ chủ yếu là khoản trả trước cho người bán đã tăng 1,1 tỷ đồng

▪ **Các khoản phải trả**

Đơn vị tính: Đồng

T	Nội dung	31/12/2018 (Hợp nhất)	31/12/2019 (Hợp nhất)
I	Nợ ngắn hạn	450.638.042.478	511.872.912.684
1	Phải trả người bán	403.623.670.459	505.402.159.720
2	Người mua trả tiền trước	69.387.920	17.424.000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	183.134.193	156.727.498
4	Phải trả người lao động	5.928.582.287	5.502.589.741
5	Chi phí phải trả	70.000.000	210.000.000
6	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.197.479.198	316.492.492
7	Vay ngắn hạn	37.000.000.000	-
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	565.788.421	267.519.233
II	Nợ dài hạn	164.267.145	
1	Thuế TN hoãn lại phải trả	164.267.145	-
	Tổng cộng	450.802.309.623	511.872.912.684

(Nguồn Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2018 và 2019)

Biến động nợ phải trả như sau:

- Nợ ngắn hạn:

Phải trả người bán ngắn hạn tăng:	101.778.489.261
Người mua trả tiền trước giảm:	51.963.920
Thuế và các khoản phải nộp NN giảm	26.406.695
Phải trả người lao động giảm	425.992.546
Vay ngắn hạn:	đã tất toán hết khoản vay 37 tỷ đồng
Phải trả ngắn hạn khác giảm	2.880.986.706
Quỹ khen thưởng phúc lợi giảm	298.269.188

Khoản phải trả tăng chủ yếu là khoản phải trả người bán do mua dự phòng phôi đá tấm phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

▪ **Tình hình dư nợ vay tại ngày 31/12/2019:**

Tổng dư nợ vay đến 31/12/2019 là: 0 đồng. Công ty đã tất toán hết khoản nợ vay (gồm cả gốc và lãi vay) của Công ty mẹ là Công ty cổ phần tập đoàn Phượng hoàng xanh A&A với thời gian vay: 11 tháng và lãi suất vay là 7,1%/năm.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Nắm bắt cơ hội của ngành chế tác, trong năm Công ty đã đầu tư thêm thiết bị máy móc hiện đại, tự động hoá trong sản xuất, tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, đa dạng về chủng loại để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu hàng Cut to size.

Công ty đã duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý đồng thời phát triển công tác đào tạo nội bộ, nâng cao chất lượng của nhân viên, tập trung vào sản xuất, phát huy hết công suất máy móc để nâng cao năng suất, chất lượng của sản phẩm. Tăng cường đội ngũ cán bộ quản lý trẻ, có trình độ, nhiệt huyết, tận tâm đáp ứng tốc độ phát triển của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong tương lai Công ty sẽ từng bước chuyên nghiệp hóa quá trình sản xuất một cách khoa học và nghiêm túc để đảm bảo chất lượng ổn định theo tiêu chuẩn để trở thành một công ty hàng đầu trong lĩnh vực gia công, chế tác đá thạch anh cao cấp mang thương hiệu Vicostone, với các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của ĐHDCĐ, hoàn thành tốt kế hoạch SXKD năm 2020
- Kiện toàn hệ thống sản xuất, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao hoạt động của các máy móc thiết bị, đảm bảo sản xuất liên tục và an toàn
- Quản lý tốt chất lượng vật tư đầu vào và thành phẩm đầu ra
- Áp dụng công nghệ cao, đưa các ứng dụng mới tiên tiến vào sản xuất nhằm chuẩn hóa và tự động hóa các khâu trong dây chuyền sản xuất giúp đem lại năng suất cao và chất lượng vượt trội
- Áp dụng quy trình cải tiến Kaizen-5S
- Tiếp tục triển khai chương trình tiết kiệm chi phí hiệu quả
- Kiểm soát các nguồn lực, áp dụng hệ thống quản trị tiên tiến để truy suất nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm
- Phát triển nguồn nhân lực; đào tạo đội ngũ kế cận có đủ trình độ, tri thức đóng góp và đồng hành cùng với sự phát triển của công ty
- Chăm lo đời sống của người lao động về vật chất và tinh thần;

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2019, thông qua Ban Giám đốc, các báo cáo của các bộ phận liên quan, Hội đồng quản trị đã kịp thời nắm bắt thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh, nhân sự...để kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp. Duy trì giám sát chặt chẽ công tác điều hành của Ban giám đốc, cụ thể một số hoạt động của HĐQT như sau:

➤ Chỉ đạo công tác đầu tư

Để đáp ứng kịp thời nhu cầu sản lượng tăng lên của các đơn hàng Cut to size, HĐQT đã chỉ đạo tiếp tục đầu tư thêm máy móc thiết bị hiện đại, tự động hóa giúp tăng năng suất lao động, đáp ứng những đơn hàng đòi hỏi độ chế tác khó và tính thẩm mỹ cao: Công ty đã đầu tư 3 máy cắt nước Water Jet, 5 máy cắt cầu và 2 Xe nâng hàng.

➤ **Chỉ đạo công tác nhân sự và phát triển nguồn nhân lực, chăm lo đời sống người lao động**

Năm 2019, Quy mô và mô hình tổ chức của Công ty đã có sự tăng trưởng rõ nét, cụ thể: Hội đồng quản trị đã phối hợp cùng Ban lãnh đạo Công ty đánh giá, kiện toàn đội ngũ nhân sự cấp trung, bổ nhiệm 1 Quyền trưởng phòng Quản lý chất lượng và 1 Phụ trách phòng kỹ thuật công nghệ để tăng cường công tác kiểm soát chất lượng và đưa công nghệ kỹ thuật vào sản xuất SP, phát triển đội ngũ nhân sự kế cận để phục vụ cho công tác mở rộng, phát triển công ty trong thời gian tới.

Thông kê sự thay đổi của nhân sự toàn Công ty năm 2019 như sau:

TT	Chức danh	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm	Các Phòng Ban					
						TCH C	TCKT	KD-VT	P.K TCN	PXS X	P.Q LCL
1	Ban lãnh đạo	5		1	4	3	1				
2	Trưởng phòng, Quản đốc PX	2	1		3			1		2	
3	Phó phòng	4	1		5	1		1	1	1	1
4	Kỹ sư	16	6	4	18			5	1	11	1
5	Cử nhân	18	1	1	18	4	4	7		2	1
6	CD, TC, SC	51	34	12	73	2		10	6	51	4
7	Công nhân trực tiếp	123	84	26	181	2		23	8	133	15
8	Công nhân gián tiếp	8	0	0	8	8					
Tổng hợp		227	124	43	310	20	5	47	16	200	22

- Năm 2019 việc nâng cao thu nhập chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động được HĐQT đặt lên hàng đầu. HĐQT đã chỉ đạo Ban lãnh đạo công ty duy trì và nâng cao đời sống của CBCNV Công ty. Thu nhập bình quân năm 2019 đạt 16.077.000 đồng/người/tháng, tăng 21,04% so với năm 2018 (13.282.000đồng/người/tháng).

- Các chế độ, chính sách đối với người lao động luôn được Công ty thực hiện nghiêm túc, kịp thời. Công ty thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, kịp thời cho 100% người lao động. Mua bảo hiểm sức khỏe cho người lao động với số tiền 212.204.000 đồng.

- Khuyến khích động viên kịp thời cho CBCNV đạt các thành tích và danh hiệu thi đua định kỳ cũng như đột xuất cho các cá nhân, công nhân đạt năng suất lao động cao. Tiền thưởng thi đua và thưởng năng suất đã chi trong năm 2019 là: 749.950.000 đồng.

- Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, nghỉ mát,... cho CBCNV theo định kỳ, kịp thời động viên về tinh thần cũng như khuyến khích người lao động nâng cao thể lực, sức khỏe cho bản thân.

➤ **Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019:**

Nội dung của Đại hội gồm:

- Phê chuẩn Báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động năm 2018
- Phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019
- Phê chuẩn Báo cáo thường niên năm 2018
- Phê chuẩn Báo cáo của Ban kiểm soát về thẩm định kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2018
- Phê chuẩn báo cáo kiểm toán năm 2018, lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019
- Phê chuẩn phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2019
- Phê chuẩn việc thay đổi mô hình quản trị Công ty
- Phê chuẩn Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty năm 2019

2. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc đã chỉ đạo, điều hành sát sao các mặt hoạt động của Công ty, đảm bảo mục tiêu của Hội đồng quản trị đưa ra là phát triển bền vững, từng bước mở rộng hoạt động kinh doanh và đạt được hiệu quả cao.

Hoạt động giám sát của HĐQT được thể hiện bằng kết quả như sau:

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Chỉ đạo Ban giám đốc ứng phó kịp thời với các biến động của thị trường, kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh đi đúng mục tiêu đặt ra. Chỉ đạo Ban giám đốc thực hiện dự án đầu tư của công ty như: Dự án lắp đặt và vận hành máy cắt nước Water Jet đúng tiến độ.

Đối với công tác Quan hệ cổ đông:

- Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 diễn ra vào ngày 18/04/2019.

- Chỉ đạo công bố thông tin đảm bảo tuân thủ pháp luật, minh bạch, chính xác, kịp thời đến Quý cổ đông và các nhà đầu tư.

- Chỉ đạo soạn thảo và phát hành và công bố báo cáo thường niên năm 2018 đúng thời gian quy định

Đối với công tác quản trị doanh nghiệp

- Chỉ đạo, giám sát xuyên suốt các quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trọng tâm chủ yếu vào việc đẩy mạnh sản xuất đáp ứng tiến độ giao hàng, cắt giảm chi phí nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Chỉ đạo sát sao công tác tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng tốc độ phát triển của Công ty

- Chỉ đạo xây dựng chất lượng môi trường làm việc nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, giúp người lao động gắn bó phát huy hết hiệu quả làm việc.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2020 như sau:

(ĐVT: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019		KH năm 2020		Tăng trưởng năm 2020 so với năm 2019 (%)	
			Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Doanh thu bán hàng	Tr.đồng	599.68	726.51	688.553	816.553	14,82	12,39
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	13.894	13.532	15.354	15.030	10,55	11,09

Để hoàn thành các mục tiêu trên cần sự cố gắng, nỗ lực rất lớn từ Ban lãnh đạo đến toàn thể CBCNV trong Công ty, cụ thể chú trọng vào các nhiệm vụ chính sau:

✓ **Tập trung nâng cao năng lực sản xuất để đáp ứng tiến độ giao hàng**

- Không ngừng nghiên cứu cải tiến, nâng cao kỹ năng chế tác và tăng cường sự kiểm tra, kiểm soát để tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao và ổn định thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng
- Tính toán chi phí hợp lý, nâng cao năng suất lao động để tạo sự ra sự cạnh tranh về giá.
- Đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại đảm bảo chế tác được các sản phẩm có chất lượng cao
- Triển khai sản xuất khẩn trương, đúng tiến độ khi nhận được đơn hàng.
- Kien toàn các phân xưởng sản xuất để tăng năng suất lao động.

✓ **Phát triển nguồn nhân lực**

- Tiếp tục tuyển dụng nhân công có chất lượng cao phục vụ trước mắt và lâu dài
- Điều chỉnh, bố trí nhân lực phù hợp năng lực.
- Đào tạo nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và phục vụ cho chiến lược phát triển công ty.
- Tuân thủ hệ thống tiêu chuẩn như : hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015, hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14000, hệ thống an toàn sức khỏe nghề nghiệp, hệ thống SA8000 và biến chúng thành công cụ hữu hiệu phục vụ cho việc quản lý và điều hành Công ty.

✓ **Chăm lo đời sống của người lao động về vật chất và tinh thần**

- Thực hiện đầy đủ quyền lợi của người lao động theo quy định của pháp luật.
- Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, lành mạnh, nâng cao ý thức trách nhiệm với công việc.
- Trả lương và có chính sách đãi ngộ tương xứng với cống hiến.

✓ **Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý chi phí hiệu quả**

- Duy trì báo cáo chỉ tiêu tiết giảm chi phí, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện, phân tích nguyên nhân và tìm biện pháp để đạt được mục tiêu đề ra. Các báo cáo này giúp cho Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo ra quyết định điều hành sản xuất nhanh, hợp lý đảm bảo tiết kiệm chi phí.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị của Công ty

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, trong đó có 04 thành viên không tham gia điều hành, chi tiết như sau:

1. Ông Lưu Công An	: Chủ tịch HĐQT (Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc)
2. Ông Phạm Anh Tuấn	: Ủy viên HĐQT (thành viên không điều hành)
3. Bà Thiều Thị Ngọc Hiền	: Ủy viên HĐQT (thành viên độc lập không điều hành)
4. Ông Đỗ Quang Bình	: Ủy viên HĐQT (thành viên không điều hành)
5. Ông Nguyễn Xuân An	: Ủy viên HĐQT (thành viên không điều hành)

Tóm tắt Sơ yếu lý lịch của Thành viên HĐQT

Ông Lưu Công An – Chủ tịch HĐQT – Giám đốc Công ty- Đã được trình bày ở phần II mục 2.1 Danh sách Ban điều hành Công ty.

Ông Phạm Anh Tuấn – Ủy viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh	12/09/1981
Trình độ chuyên môn	Tiến sỹ vật liệu cao phân tử và tổ hợp

Quá trình công tác

Từ tháng 07/2005-10/2006	Trưởng phòng công nghệ - CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 10/2006-06/2009	Trưởng phòng công nghệ - chất lượng CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 07/2009-03/2013	Giám đốc Trung tâm R&D CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex

Từ tháng 03/2013-10/2014	Giám đốc nhà máy sản xuất số 2 kiêm Giám đốc Trung tâm R&D CTCP Vicostone
Từ ngày 14/10/2014 -14/12/2016	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vicostone
Từ 15/12/2016- 20/04/2017	Ủy viên HĐQT –Tổng Giám đốc CTCP Vicostone
Từ 20/04/2017 – đến nay	Ủy viên HĐQT –Tổng Giám đốc CTCP Vicostone
Từ 20/04/2017 – 07/05/2019	Chủ tịch HĐQT CTCP Chế tác đá Việt nam
Từ 08/05/2019- đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT CTCP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A Ủy viên HĐQT –Tổng Giám đốc CTCP Vicostone

Ông Đỗ Quang Bình - Ủy viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh	13/01/1981
Trình độ chuyên môn	Cử nhân luật

Quá trình công tác

Từ tháng 03/2010 - 11/2011	Trưởng phòng Pháp chế - Đối ngoại CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 11/2011 - 18/09/2013	Giám đốc Ban Pháp chế - Đối ngoại CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 09/2013 - 08/2015	Giám đốc Ban pháp chế kiêm Trưởng phòng Quản trị Rủi ro CTCP Vicostone
Từ tháng 08/2015 – 03/2016	Trưởng phòng Pháp chế CTCP đá thạch anh cao cấp VCS
Từ tháng 03/2016 đến nay	- Trưởng phòng Pháp chế CTCP đá thạch anh cao cấp VCS - Chánh văn phòng CTCP tập đoàn Phụng Hoàng xanh A&A
Chức vụ hiện nay tại công ty	Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ đảm nhận tại các Công ty khác	- Chánh văn phòng CTCP tập đoàn Phụng Hoàng xanh A&A - Trưởng phòng pháp chế Công ty cổ phần VICOSTONE - Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP Style Stone

Ông Nguyễn Xuân An - Ủy viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh	06/08/1974
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
Từ tháng 05/2005 - 03/2006	Chuyên viên tư vấn kế toán thuế- Công ty TNHH đào tạo tư vấn về quản lý và đầu tư
Từ tháng 03/2006 – 08/2006	Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Đá ốp lát cao cấp VINACONEX
Từ tháng 09/2006 - 10/2007	Phó phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 10/2007 - 08/2009	Kế toán Trưởng Công ty Liên doanh Style Stone
Từ tháng 08/2009 – 03/2015	Phó Giám đốc – Kế toán trưởng Công ty CP Style Stone
Từ tháng 03/2015 đến nay	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc Kế toán trưởng Công ty CP Style Stone
Chức vụ hiện nay	Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ đảm nhận tại các Công ty khác	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc Kế toán trưởng Công ty CP Style Stone

Bà Thiều Thị Ngọc Hiền - Ủy viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh	17/07/1988
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán tổng hợp
Quá trình công tác	
Từ 2010 - 2014	Kế toán viên, Phó phòng Tài chính Công ty cổ phần STYLE STONE
Từ 2014 – Nay	Trợ lý Giám đốc Xí nghiệp may tư doanh Tuần kỳ - DNTN
Chức vụ hiện nay	Trợ lý Giám đốc

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị :

Tiểu Ban kiểm toán nội bộ được thành lập Theo Nghị số 09/2019/NQ/STV-HĐQT ngày 01/07/2019 của Hội đồng quản trị Công ty CP Chế tác đá Việt Nam. HĐQT đã thống nhất phân công bà Thiều Thị Ngọc Hiền- thành viên HĐQT chuyên trách lĩnh vực kiểm toán tại Công ty.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham gia thảo luận bàn bạc các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua Email, Fax, điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ. Việc giám sát của HĐQT với Ban Giám đốc cũng được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Giám đốc gửi các thành viên hàng tuần, cũng như báo cáo của Tiểu ban kiểm toán nội bộ và các đơn vị phòng ban chức năng.

Tỷ lệ tham dự họp của các thành viên hội đồng quản trị trong năm 2019:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Số buổi họp HĐQT vắng mặt	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lưu Công An	Chủ tịch HĐQT	11	0	100,0%	
2	Ông Phạm Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	11	0	100,0%	
3	Ông Nguyễn Xuân An	Ủy viên HĐQT	11	0	100,0%	
4	Ông Đỗ Quang Bình	Ủy viên HĐQT	11	0	100%	
5	Bà Thiều Thị Ngọc Hiền	Ủy viên HĐQT	11	0	100.0%	

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị :

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2019/NQ/STV-HĐQT	14/01/2019	Thông qua các giao dịch năm 2019 về việc mua bán hàng hóa/ dịch vụ giữa Công ty và các Công ty, đơn vị có liên quan
2	02/2019/NQ/STV-HĐQT	30/01/2019	Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019
3	03/2019/NQ/STV-HĐQT	20/02/2019	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
4	04/2019/NQ/STV-HĐQT	26/02/2019	Điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Công ty

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
5	05/2019/NQ/STV-HĐQT	20/03/2019	Điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Công ty
6	06/2019/NQ/STV-HĐQT	08/04/2019	Thông qua thời gian tổ chức và thông qua hồ sơ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
7	07/2019/NQ/STV-HĐQT	07/05/2019	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Chế tác đá Việt Nam
8	08/2019/NQ/STV-HĐQT	01/06/2019	Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chế tác đá Việt nam
9	09/2019/NQ/STV-HĐQT	01/07/2019	Thành lập tiểu ban kiểm toán và phân công nhân sự chuyên trách Tiểu ban kiểm toán
10	10/2019/NQ/STV-HĐQT	29/08/2019	Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty
11	11/2019/NQ/STV-HĐQT	30/12/2019	Điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Công ty

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Hiện tại trong Hội đồng quản trị có 04 thành viên độc lập, không điều hành là Ông Phạm Anh Tuấn; Ông Đỗ Quang Bình và Ông Nguyễn Xuân An và Bà Thiều Thị Ngọc Hiền đều là những người có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kinh doanh, lĩnh vực về luật, lĩnh vực tài chính và lĩnh vực sản xuất. Các thành viên HĐQT độc lập và không điều hành Công ty đã đóng góp tích cực vào việc xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược và kế hoạch hoạt động của Công ty.

1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Tiểu ban kiểm toán nội bộ được thành lập từ ngày 01/07/2019. Bà Thiều Thị Ngọc Hiền – Thành viên HĐQT được phân công chuyên trách lĩnh vực kiểm toán tại Công ty CP chế tác đá Việt Nam. Tiểu Ban kiểm toán nội bộ hiện nay có 1 nhân sự là Ông Nguyễn Trí Tuấn Anh. Tiểu ban kiểm toán nội bộ đảm trách các hoạt động về Quản trị rủi ro, Kiểm toán nội bộ và đánh giá mức độ chính xác và hoàn thiện của các thông tin tài chính, báo cáo tài chính trước khi công bố. Trong năm Tiểu Ban kiểm toán nội bộ đã thực hiện một số việc quan trọng sau:

- Đề xuất chiến lược, chính sách, quy chế, quy trình, mô hình, cơ cấu và các thủ tục quản trị rủi ro giúp cho HĐQT đạt được mục tiêu chiến lược đề ra
- Tư vấn cho HĐQT lựa chọn và kiểm soát việc sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập
- Đánh giá mức độ chính xác và mức độ hoàn thiện của Báo cáo tài chính và những thông tin tài chính khác trước khi công bố
- Kiểm tra, rà soát, đánh giá các quy trình hoạt động từ cấp các phòng ban đến cấp Công ty.

2. Ban kiểm soát của Công ty

Ban kiểm soát Công ty CP chế tác đá Việt nam đến ngày 18/04/2019 có 03 thành viên.

Danh sách như sau:

1. Ông Phạm Ngọc Đông: Trưởng Ban kiểm soát Miễn nhiệm ngày 18/04/2019
2. Bà Nguyễn Phương Thúy: Thành viên Ban kiểm soát Miễn nhiệm ngày 18/04/2019
3. Bà Trần Lan Phương: Thành viên Ban kiểm soát Miễn nhiệm ngày 18/04/2019

Ban kiểm soát đã được ĐHĐCĐ thông qua việc giải thể vào ngày 18/04/2019.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**3.1 Thù lao, các khoản lợi ích**

STT	HỌ VÀ TÊN	Thu nhập từ thù lao	Thu nhập từ tiền lương	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị	156.000.000		156.000.000
1	Phạm Anh Tuấn	32.450.000		32.450.000
2	Lưu Công An	33.550.000		33.550.000
3	Nguyễn Xuân An	30.000.000		30.000.000
4	Thiều Thị Ngọc Hiền	30.000.000		30.000.000
5	Đỗ Quang Bình	30.000.000		30.000.000
II	Ban kiểm soát	23.400.000	253.240.460	276.640.460
6	Phạm Ngọc Đông	9.000.000	253.240.460	262.240.460
7	Nguyễn Phương Thúy	7.200.000		7.200.000
8	Trần Lan Phương	7.200.000		7.200.000
III	Tổng cộng (I+II)	179.400.000	253.240.460	432.640.460

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không phát sinh

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ : không có

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Việc quản trị Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành. 

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



LƯU CÔNG AN